

DuRAH & DuMAC

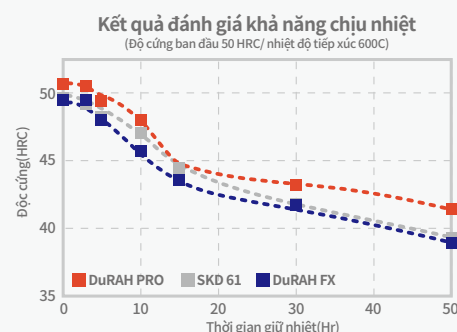
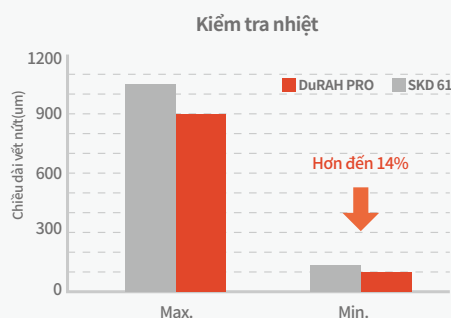
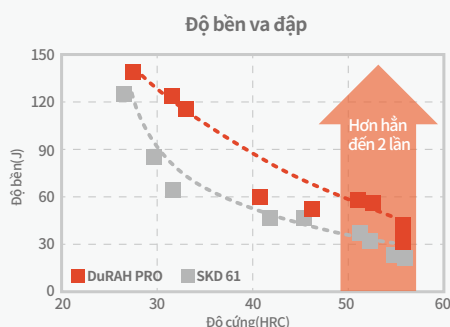
Thương Hiệu Thép Công Cụ Hiệu Suất Cao Mới Được Phát Triển

DuRAH

Loạt sản phẩm thép làm việc nóng
Loại cải tiến nâng cao độ bền

Sản phẩm	Mã tương đương			Thành phần hóa học(wt%)										Độ cứng sản phẩm	Độ cứng sau XLN
	AISI	W-Nr	JIS		C	Si	Mn	P	S	Cr	Mo	V	Ni	Khác	
DuRAH MAX ESR	-	1.2367 cải tiến	-	Min Max	0.35 0.40	0.30 0.60	0.60 0.90	0.01	0.01	4.80 5.30	Thêm các nguyên tố đặc biệt			Ủ Max 229HB	42~54 HRC
DuRAH PRO	H13 cải tiến	-	SKD61 cải tiến	Min Max	0.35 0.42	0.50 0.80	0.40 0.70	0.01	0.01	5.00 5.50	Thêm các nguyên tố đặc biệt			Ủ Max 229HB	42~54 HRC
DuRAH 61	H13	1.2344	SKD61	Min Max	0.35 0.42	0.80 1.20	0.25 0.50	0.03	0.02	4.80 5.50	1.00 1.50	0.80 1.15		Ủ Max 229HB	42~54 HRC
DuRAH FX Mã đặc biệt	H11 cải tiến	1.2343 cải tiến	SKD61 cải tiến	Min Max	0.36 0.46	0.55 0.80	0.30 0.60			4.80 5.50	Thêm các nguyên tố đặc biệt			Ủ Max 229HB	42~54 HRC
SKT4	L6	1.2714	SKT4	Min Max	0.50 0.60	0.10 0.40	0.60 0.90			0.80 1.20	0.35 0.55	0.05 1.15	1.50 1.80	Có độ cứng sẵn 40~44 HRC	

DuRAH PRO



DuMAC

Loạt sản phẩm thép làm việc nguội
Loại cải tiến nâng cao tối đa độ bền

Sản phẩm	Mã tương đương			Thành phần hóa học(wt%)										Độ cứng sản phẩm	Độ cứng sau XLN
	AISI	W-Nr	JIS		C	Si	Mn	P	S	Cr	Mo	V	Ni	Others	
DuMAC PRO		1C-8Cr-Mo-V SLD Magic		Min Max	0.90 1.10	0.90 1.10	0.50 0.80			7.80 8.20	Thêm các nguyên tố đặc biệt			Ủ Max 255HB	55~63 HRC
DuMAC 11	D2	1.2379	SKD11	Min Max	1.40 1.60	0.40	0.60	0.03	0.03	11.00 13.00	0.80 1.20	0.20 0.50		Ủ Max 255HB	55~60 HRC

DuMAC PRO

